

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số(N<sup>o</sup>): 0024/VAQ09 - 02/20 - 00

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
RƠ MOỐC VÀ SƠ MI RƠ MOỐC SẢN XUẤT, LẮP RÁP**

**TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR TRAILERS AND SEMI-TRAILERS**  
Cấp theo Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số:

0683/22/GH

Ngày:

02.03.2022

Pursuant to the Technical document N<sup>o</sup>

Date

Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

QCVN 11 : 2015/BGTVT

Standard, regulation applied

Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng số:

99004/01/03/21/01

Ngày:

18.05.2021

Pursuant to the results of C.O.P examination Report N<sup>o</sup>

Date

Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm tra/thử nghiệm số:

0825/BCTN-TO/20

Ngày:

01.07.2020

Pursuant to the results of Test Report N<sup>o</sup>

Date

**CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại xe (Vehicle type): **Sơ mi rơ moóc xi téc (chở xăng)**

Nhãn hiệu (Mark): **DOOSUNG**

Số loại (Model code):

**DV-FUEL-40B-1**

Mã số khung (Frame number code): **RR2FNMXTZ\*VB07**

Khối lượng bản thân (Kerb mass):

**9.470**

kg

Phân bố lên: - Chốt kéo (on kingpin):

**2.640**

kg

- Trục sau (on rear):

**6.830**

kg

Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế (Design pay load):

**29.600**

kg

Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (Authorized pay load):

**29.600**

kg

Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (Design total mass):

**39.070**

kg

Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (Authorized total mass):

**39.070**

kg

Phân bố lên: - Chốt kéo (on kingpin):

**15.070**

kg

- Trục sau (on rear):

**24.000**

kg

Kích thước xe: Dài x Rộng x Cao (Overall: length x width x height):

**11.265 x 2.500 x 3.965**

mm

Khoảng cách từ tâm chốt kéo tới trục sau (Wheel spase):

**7.190 + 1.310 + 1.310**

mm

Số trục xe (Number of axles): **3**

Cỡ lốp (Tyre size):

Lốp trước (front tyre): ---

Lốp sau (rear tyre): **11.00 - 20**

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

**Công ty TNHH ô tô SOOSAN Việt Nam**

(Name and address of manufacturer)

Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, P. Hạp Lĩnh, TP. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp:

**Công ty TNHH ô tô SOOSAN Việt Nam**

(Name and address of assembly plant)

Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, P. Hạp Lĩnh, TP. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

Kiểu loại xe nói trên phù hợp với QCVN 11 : 2015/BGTVT

The motor vehicle type is in compliance with the QCVN 11 : 2015/BGTVT

**Ghi chú:**

- Vết xe bánh trước/ sau: ---/ **1.840 mm**

- Hệ thống phanh:

Phanh chính

---/Tang trống

Khí nén

Phanh đỗ

Tác động lên bánh xe trục 2, 3, 4

Tự hãm

- Số lượng lốp trục I/II/III/IV: ---/ **04/04/04**

- Kích thước bao xi téc: 11.080/10.600 x 2.480 x 1.870 mm

- Xi téc chứa xăng (dung tích 39.540 lít, khối lượng riêng 0,74 kg/lít)

- Chốt kéo nhãn hiệu Yonglitai model LT-XZ50-12-000

- Hàng năm, giấy chứng nhận này được xem xét đánh giá

Ngày 03 tháng 03 năm 2022 (Date)

**CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM**

Vietnam Register

General Director



**PHÓ CỤC TRƯỞNG**  
**Nguyễn Tô An**

Cấp lại trên cơ sở giấy chứng nhận số : 0024/VAQ09 - 02/20 - 00 ký ngày 10.07.2020

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số(N<sup>o</sup>): 0024/VAQ09 - 02/20 - 01

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
RƠ MOỐC VÀ SƠ MI RƠ MOỐC SẢN XUẤT, LẮP RÁP**

**TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR TRAILERS AND SEMI-TRAILERS**  
Cấp theo Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số:

0684/22/GH

Ngày:

02.03.2022

Pursuant to the Technical document N<sup>o</sup>

Date

Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

QCVN 11 : 2015/BGTVT

Standard, regulation applied

Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng số:

99004/01/03/21/01

Ngày:

18.05.2021

Pursuant to the results of C.O.P examination Report N<sup>o</sup>

Date

Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm tra/thử nghiệm số:

0826 BS1/BCTN-TO/20

Ngày:

01.07.2020

Pursuant to the results of Test Report N<sup>o</sup>

Date

**CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại xe (Vehicle type): **Sơ mi rơ moóc xi téc (chở xăng)**

Nhãn hiệu (Mark): **DOOSUNG**

Số loại (Model code):

**DV-FUEL-40B-2**

Mã số khung (Frame number code): **RR2FNMXTZ\*VB07**

Khối lượng bản thân (Kerb mass):

**9.470**

kg

Phân bố lên: - Chốt kéo (on kingpin):

**2.640**

kg

- Trục sau (on rear):

**6.830**

kg

Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế (Design pay load):

**29.600**

kg

Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (Authorized pay load):

**29.600**

kg

Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (Design total mass):

**39.070**

kg

Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (Authorized total mass):

**39.070**

kg

Phân bố lên: - Chốt kéo (on kingpin):

**15.070**

kg

- Trục sau (on rear):

**24.000**

kg

Kích thước xe: Dài x Rộng x Cao (Overall: length x width x height):

**11.265 x 2.500 x 3.965**

mm

Khoảng cách từ tâm chốt kéo tới trục sau (Wheel spase):

**7.190 + 1.310 + 1.310**

mm

Số trục xe (Number of axles): **3**

Cỡ lốp (Tyre size):

Lốp trước (front tyre): ---

Lốp sau (rear tyre): **12R22.5**

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

**Công ty TNHH ô tô SOOSAN Việt Nam**

(Name and address of manufacturer)

Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, P. Hạp Lĩnh, TP. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp:

**Công ty TNHH ô tô SOOSAN Việt Nam**

(Name and address of assembly plant)

Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, P. Hạp Lĩnh, TP. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

Kiểu loại xe nói trên phù hợp với QCVN 11 : 2015/BGTVT

The motor vehicle type is in compliance with the QCVN 11 : 2015/BGTVT

**Ghi chú:**

- Vết xe bánh trước/ sau: ---/ **1.840 mm**

- Hệ thống phanh:

Phanh chính ---/Tang trống

Khí nén

Phanh đỗ Tác động lên bánh xe trục 2, 3, 4

Tự hãm

- Số lượng lốp trục I/II/III/IV: ---/**04/04/04**

- Kích thước bao xi téc: 11.080/10.600 x 2.480 x 1.870 mm

- Xi téc chứa xăng (dung tích 39.540 lít, khối lượng riêng 0,74 kg/lít)

- Chốt kéo nhãn hiệu Yonglitai model LT-XZ50-12-000

- Hàng năm, giấy chứng nhận này được xem xét đánh giá

Ngày 03 tháng 03 năm 2022 (Date)

**CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM**

Vietnam Register  
General Director



**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG  
Nguyễn Tô An**

Cấp lại trên cơ sở giấy chứng nhận số: 0024/VAQ09 - 02/20 - 01 ký ngày 16.07.2020